| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN PHÚ TÂN**<br>TỈNH AN GIANG | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số:495/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 09-8-2024
V/v ly hôn Hương – Giang

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Đỗ Thị Ngọc Thảo.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Võ Thái Quân.

Bà Nguyễn Thuý Phượng

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa***: Ông Lưu Tiến Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 260/2024/TLST- HNGĐ ngày 16/4/2024 về tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con khi ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 355/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Diễm H, sinh năm 1994.

Nơi cư trú: số B, ấp H, xã H, huyện P, tỉnh An Giang.

Hiện trú tại: ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

*Bị đơn:* Ông Thái Văn G, sinh năm 1986.

Trú tại: số B, ấp H, xã H, huyện P, tỉnh An Giang.

(Các đương sự vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**:

*Theo đơn khởi kiện ngày 08/4/2024 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Diễm H trình bày:*

Hôn nhân của bà H, ông G do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 63, ngày 27 tháng 4 năm 2012. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc bên gia đình chồng đến khi vợ chồng có với nhau hai con chung, đầu năm 2023 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông G không chí thú làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt, cờ bạc, không quan tâm chăm sóc gia

đình, vì thế vợ chồng hay cải nhau, tháng 10 năm 2023 bà H bỏ về nhà cha mẹ đẻ ở P sinh sống, vợ chồng ly thân cho đến nay. Nay tình cảm không còn bà H yêu cầu ly hôn với ông G.

Về con chung: Thái Thị Kim D, sinh ngày 27/8/2017 và Thái Hoàng Công D1, sinh ngày 29/11/2012 hiện do bà H đang nuôi dưỡng, khi ly hôn bà H yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu ông G cấp dưỡng cho con.

Tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

*Bị đơn ông Thái Văn G vắng mặt, không có ý kiến trình bày.*

*Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân* được đại diện ấp H, xã H cho biết: Ông Thái Văn G sinh năm 1986 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại H, xã H, huyện P, tỉnh An Giang, tuy nhiên hiện nay ông G không có mặt tại địa phương, đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về nhà. Về tình trạng hôn nhân giữa ông G, bà H như thế nào thì địa phương không rõ.

*Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu về quá trình tiến hành tố tụng và đề xuất như sau:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật. Ông G không có mặt theo các thông báo là thực hiện không đúng Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu cho bà H được ly hôn ông G. Con chung hiện đang sinh sống với bà H, tài sản chung và nợ chung bà H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: bà Diễm H yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung với ông G nên xác định quan hệ tranh chấp là *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại xã H, huyện P, tỉnh An Giang nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Thái Văn G được tống đạt hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1 Về hôn nhân: bà Diễm H và ông G tự nguyện đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống và có đăng ký kết hôn năm 2012 là hôn nhân hợp pháp nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Bà Diễm H

cho rằng ông G không quan tâm chăm sóc gia đình, không chí thú làm ăn, thường xuyên uống rượu, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cách sống, vợ chồng vì thế hay cải nhau, tháng 3 năm 2023 bà H bỏ về nhà cha mẹ đẻ bà tại P sinh sống, vợ chồng ly thân, trong thời gian ly thân không ai quan tâm đến ai, không có ý hàn gắn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, bà Diễm H xin ly hôn ông G.

Theo quy định tại Điều 19, Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau*…". Thế nhưng vợ chồng ông G, bà Diễm H không còn chung sống khoảng 01 năm nay là khoảng thời gian dài. Điều này chứng tỏ vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cũng như không thể chia sẻ công việc trong gia đình với nhau được nữa, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử thống nhất cho bà Diễm H được ly hôn ông G.

[2.2] Về con chung: Bà H, ông G có hai con chung tên Thái Thị Kim D, sinh ngày 27/8/2017 và Thái Hoàng Công D1, sinh ngày 29/11/2012 hiện do bà H đang nuôi dưỡng, khi ly hôn bà H yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu ông G cấp dưỡng cho con. Xét từ khi ly thân đến nay con chung đang sống với bà H, có cuộc sống ổn định, nên tiếp tục giao hai con chung cho bà H nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ông G vắng mặt, không ý kiến về vấn đề con chung, nên không xem xét giải quyết

[2.3] Bà Diễm H trình bày tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết. Nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ, chồng trong thời kỳ hôn nhân thì phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[2.4] Về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Diễm H.

Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Diễm H được ly hôn ông Thái Văn G.

Về con chung: Giao con chung Thái Thị Kim D, sinh ngày 27/8/2017 và Thái Hoàng Công D1, sinh ngày 29/11/2012 cho bà Diễm H được tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Thái Văn G không phải cấp dưỡng cho con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, cơ quan tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có.

Về án phí: bà Nguyễn Thị Diễm H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006853 ngày 16/4/2024 của Chi cục Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. Bà Nguyễn Thị Diễm H không phải nộp thêm án phí.

Ông Thái Văn G không phải chịu án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Diễm H, ông G vắng mặt thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*Nơi nhận*:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã Hoà Lạc;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Ngọc Thảo**